

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ III NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-CQLMHTXVN ngày /10/2025 của Chủ tịch Liên minh HTX Việt Nam)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Liên minh HTX Việt Nam công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý III năm 2025 như sau:

Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện quý III năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý III năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
I. Tổng dự toán chi thường xuyên	234,556,965,989	86,473,587,021	36.87%	
1. GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO - DẠY NGHỀ	70,689,828,787	20,630,289,078	29.18%	
1.1. Loại 070 - 083: Đào tạo khác	5,724,000,000	1,360,206,631	23.76%	
1.1.1. Kinh phí chi không thường xuyên:	5,724,000,000	1,360,206,631	23.76%	
- Chi thực hiện nhiệm vụ của Liên minh HTX Việt Nam giao	2,224,000,000	542,306,631	24.38%	
- Đào tạo cán bộ, thành viên HTX	3,500,000,000	817,900,000	23.37%	
1.2. Loại 070 - 092: Trung cấp nghề	5,387,074,000	1,979,194,339	36.74%	
1.2.1. Kinh phí chi không thường xuyên	5,387,074,000	1,979,194,339	36.74%	
- Chi thực hiện nhiệm vụ của Liên minh HTX Việt Nam giao	1,897,000,000	1,434,120,336	75.60%	
- Cấp bù học phí	3,490,074,000	545,074,003	15.62%	

Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện quý III năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý III năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1.3. Loại 070 - 093: Đào tạo cao đẳng nghề	17,703,338,000	13,871,379,779	78.35%	
1.3.1. Kinh phí chi không thường xuyên	17,703,338,000	13,871,379,779	78.35%	
- Chi thực hiện nhiệm vụ của Liên minh HTX Việt Nam giao	10,052,000,000	8,649,835,779	86.05%	
- Cấp bù học phí	7,651,338,000	5,221,544,000	68.24%	
1.4. CTMTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG	39,702,416,787	3,290,008,329	8.29%	
Loại 070-098: DA7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình (Mã 0470 - 0477)	3,286,416,787	1,315,608,329	40.03%	
1.4.1. Kinh phí chi không thường xuyên:	3,286,416,787	1,315,608,329	40.03%	
Tiểu dự án 1 Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình: Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo; tổ chức hội thảo, hội nghị và các hoạt động khác về công tác giảm nghèo.	1,900,000,000	1,008,586,800	53.08%	
Tiểu dự án 2 Giám sát, đánh giá: Kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chương trình, dự án giảm nghèo định kỳ, hằng năm hoặc đột xuất	1,386,416,787	307,021,529		
Loại 070 - 098 DA 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững (Mã 0470 - 0474)	36,416,000,000	1,974,400,000	5.42%	
1.4.2. Kinh phí chi không thường xuyên:	36,416,000,000	1,974,400,000		
Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	36,416,000,000	1,974,400,000	5.42%	

Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện quý III năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý III năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
Sửa chữa, bảo dưỡng Trường trung cấp Kinh tế Kỹ thuật và đào tạo cán bộ HTX miền Trung, Tây Nguyên	7,000,000,000	-	0.00%	
Mua sắm trang thiết bị, phương tiện đào tạo	15,816,000,000	-	0.00%	
Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp	13,600,000,000	-	0.00%	
1.5. CTMTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI	3,500,000,000	129,500,000		
Loại 070-098 (Mã CTMTQG: 10490 - 10493)	1,500,000,000	129,500,000		
1.5.1. Kinh phí chi không thường xuyên, gồm:	1,500,000,000	129,500,000		
Nội dung thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững	1,500,000,000	129,500,000		
- Nội dung 09. Tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, gắn với nhu cầu của thị trường; hỗ trợ thúc đẩy và phát triển các mô hình khởi nghiệp, sáng tạo ở nông thôn:	1,000,000,000	-		

Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện quý III năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý III năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
<i>Tiểu dự án "Đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn</i>	1,000,000,000	-		
- Nội dung 05: Nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất trong đó ưu tiên hỗ trợ các HTX nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao liên kết theo chuỗi giá trị; thu hút khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; thúc đẩy thực hiện bảo hiểm trong nông nghiệp				
- Nhiệm vụ: Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, quản trị cho cán bộ HTX; hỗ trợ HTX phát triển sản xuất; kết nối HTX với doanh nghiệp hình thành và vận hành liên kết sản xuất, liên kết tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị				
Loại 070-098 (Mã CTMTQG: 10490 - 10502)	2,000,000,000	-		
1.5.2. Kinh phí chi không thường xuyên, gồm:	2,000,000,000	-		
Nội dung thành phần số 11. Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM	2,000,000,000	-		
- Nội dung 02: Tiếp tục tăng cường nâng cao năng lực, chuyển đổi nhận thức, tư duy cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM các cấp, đặc biệt cán bộ cơ sở	1,000,000,000	-		
<i>Tổ chức triển khai hội nghị tập huấn nâng cao năng lực, chuyển đổi nhận thức, tư duy cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM các cấp, đặc biệt cán bộ cơ sở</i>	1,000,000,000	-		
- Nội dung 03: Đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy của người dân và cộng đồng về phát triển kinh tế nông nghiệp và xây dựng NTM	1,000,000,000	-		

Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện quý III năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý III năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
<i>Tổ chức triển khai đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy của người dân và cộng đồng về phát triển kinh tế nông nghiệp và xây dựng NTM</i>	1,000,000,000	-		
2. QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH	53,442,500,000	37,066,226,970	69.36%	
Loại 340 - 362	52,842,500,000	36,476,673,727	69.03%	
2.1. Kinh phí không thực hiện tự chủ:	52,842,500,000	36,476,673,727	69.03%	
2.1.1. Lương và các khoản có tính chất lương, các khoản đóng góp	17,898,500,000	13,452,278,165	75.16%	
2.1.2. Chi cải cách tiền lương	602,000,000	-		
2.1.3. Chi khen thưởng	1,160,000,000	-	0.00%	
2.1.4. Chi theo định mức phân bổ 99 định biên x 70 triệu/định biên	6,930,000,000	5,009,803,361	72.29%	
2.1.5. Chi chế độ 178	16,907,000,000	16,901,673,706	99.97%	
2.1.6. Các nhiệm vụ đặc thù:	9,345,000,000	1,112,918,495	11.91%	
<i>Kinh phí tuyên truyền, vận động phát triển kinh tế HTX</i>	500,000,000	-	0.00%	
<i>Khen thưởng tập thể, cá nhân HTX kiểu mới</i>	500,000,000	161,232,000	32.25%	
<i>Kinh phí hội nghị: Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, hội thảo chuyên đề</i>	1,000,000,000	661,720,401	66.17%	

Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện quý III năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý III năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
<i>Chi tập huấn chỉ đạo phong trào: Kinh phí tổ chức hội nghị tập huấn chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước về kinh tế tập thể, HTX; Luật HTX sửa đổi; Nang cao nhận thức về phát triển KTTT, HTX; nâng cao vai trò và lợi ích của HTX trong phát triển KTXH; hội nghị tập huấn cho cán bộ Liên minh HTX Việt Nam và cán bộ HTX theo chuyên đề;.....</i>	1,545,000,000	289,966,094	18.77%	
<i>Kinh phí đại hội Liên minh HTX Việt Nam khóa VII</i>	2,800,000,000	-	0.00%	
<i>Kinh phí sửa chữa</i>	3,000,000,000	-	0.00%	
Loại 340 - 368	600,000,000	589,553,243	98.26%	
2.2. Kinh phí không thực hiện tự chủ:	600,000,000	589,553,243	98.26%	
Đóng niên liễm cho các tổ chức quốc tế	600,000,000	589,553,243	98.26%	
3, NGHIÊN CỨU KHOA HỌC 100	7,418,000,000	3,609,159,646	48.65%	
Loại 100 - 103: Khoa học công nghệ khác	2,418,000,000	2,079,185,370	85.99%	-
3.1. Kinh phí chi không thường xuyên, gồm:	2,418,000,000	2,079,185,370	85.99%	
- Thực hiện nhiệm vụ của Liên minh HTX Việt Nam giao	1,668,000,000	1,560,185,370	93.54%	
- Tập huấn nâng cao nhận thức về sở hữu trí tuệ cho các hợp tác xã tại Việt Nam	500,000,000	500,000,000		
<i>Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về sở hữu trí tuệ nhằm khuyến khích đổi mới sáng tạo, hình thành văn hóa sở hữu trí tuệ trong khu vực HTX</i>	500,000,000	500,000,000	100.00%	

Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện quý III năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý III năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
- Kinh phí Quản lý khoa học	250,000,000	19,000,000	7.60%	
Loại 100 - 102: Khoa học xã hội và nhân văn	3,400,000,000	1,075,301,457	31.63%	-
3.2. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ, gồm:	3,400,000,000	1,075,301,457	31.63%	-
Đề tài: Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp thành lập, tổ chức hoạt động mô hình HTX ngành hàng lâm nghiệp quy mô lớn đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội	300,000,000	147,545,457	49.18%	
Đề tài: Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho khu vực kinh tế tập thể, HTX giai đoạn 2025-2030 tầm nhìn đến năm 2045	400,000,000	127,756,000	31.94%	
Đề tài: Nghiên cứu, đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao cho khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã nhằm phát triển bền vững	400,000,000	200,000,000	50.00%	
Đề tài: Nghiên cứu đề xuất giải pháp hỗ trợ các HTX nông nghiệp tập trung đất sản xuất lúa vùng Đồng bằng sông Hồng, nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất	400,000,000	200,000,000	50.00%	
Đề tài: Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực trồng trọt ở các hợp tác xã nông nghiệp khu vực miền núi phía Bắc	400,000,000	200,000,000	50.00%	
Đề tài: Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp tăng cường hoạt động cung ứng và tiêu thụ tập trung trong các hợp tác xã nông nghiệp	400,000,000	200,000,000	50.00%	
Đề tài: Nghiên cứu đánh giá rủi ro hoạt động và đề xuất áp dụng hệ thống rủi ro phù hợp cho các hợp tác xã	300,000,000	-	0.00%	

Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện quý III năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý III năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
Đề tài: Nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả tư vấn phát triển hợp tác xã	400,000,000	-	0.00%	
Đề tài: Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả công tác đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích thành viên của hệ thống Liên minh HTX Việt Nam	400,000,000	-	0.00%	
Loại 100 - 101: Khoa học tự nhiên và kỹ thuật	1,600,000,000	454,672,819	28.42%	
3.3. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ, gồm:	1,600,000,000	454,672,819	28.42%	
- Đề tài: Nghiên cứu đánh giá hiệu quả ứng dụng hoạt tính prebiotic và probiotic từ nấm men Saccharomyces boulardii trong việc góp phần nâng cao năng suất, hiệu quả kinh tế và phát triển bền vững cho các HTX chăn nuôi gia súc	300,000,000	34,181,819	11.39%	
Đề tài: Nghiên cứu ứng dụng công nghệ nuôi cấy mô tế bào thực vật đối với cây sa nhân đỏ (Amomum villosum Lour.) để phát triển nguồn giống cho các HTX dược liệu	600,000,000	266,891,000	44.48%	
Đề tài: Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo hệ thống tưới ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) thích nghi với điều kiện canh tác, phục vụ sản xuất rau hữu cơ tại vùng đồng bằng sông Hồng	700,000,000	153,600,000	21.94%	
4. SỰ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG	2,000,000,000	444,815,850	22.24%	
Loại 250 - 278	2,000,000,000	444,815,850	22.24%	
4.1. Kinh phí chi không thường xuyên, gồm:	2,000,000,000	444,815,850	22.24%	

Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện quý III năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý III năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
- Nhiệm vụ: Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đối với các HTX nông nghiệp khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và đề xuất giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu cho các HTX	1,700,000,000	144,815,850	8.52%	
- Nhiệm vụ: Tập huấn, tuyên truyền về môi trường và bảo vệ môi trường cho cán bộ, thành viên HTX	300,000,000	300,000,000	100.00%	
5. CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ 280	68,401,648,602	11,443,646,885	16.73%	
5.1. Loại 280 - 332: Điều tra, khảo sát	400,000,000	81,200,000	20.30%	
5.1.1. Kinh phí chi không thường xuyên, gồm:	400,000,000	81,200,000	20.30%	
Điều tra sự hài lòng cấp tỉnh của HTX bằng công nghệ số	400,000,000	81,200,000	20.30%	
5.2. Loại 280 - 338: Sự nghiệp kinh tế và dịch vụ khác	7,560,000,000	5,375,030,753	71.10%	
5.2.1. Kinh phí chi không thường xuyên, gồm:	7,560,000,000	5,375,030,753	71.10%	
- Thực hiện nhiệm vụ của Liên minh HTX Việt Nam	4,634,000,000	4,334,350,753	93.53%	
- Kinh phí tuyên truyền phát triển kinh tế hợp tác, HTX	2,926,000,000	1,040,680,000	35.57%	
5.3. CTMTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI	6,865,000,000			
Loại 280 - 338 Mã CTMTQG: 0490 - 0493	6,865,000,000			
5.3.1. Kinh phí chi không thường xuyên, gồm:	6,865,000,000			

Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện quý III năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý III năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
Nội dung thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững (Mã 0490 - 0493)	6,865,000,000			
- Nội dung 04. Triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) gắn với lợi thế vùng miền, thành lập Trung tâm OCOP Quốc gia; phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề và dịch vụ nông thôn, bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn; đẩy mạnh sản xuất, chế biến muối theo chuỗi giá trị.	1,365,000,000			
- Nội dung 05. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất trong đó, ưu tiên hỗ trợ các hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao liên kết theo chuỗi giá trị; thu hút khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; thúc đẩy thực hiện bảo hiểm trong nông nghiệp	2,500,000,000			
Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, thành viên HTX nhằm nâng cao năng lực quản lý, quản trị cho cán bộ HTX; hỗ trợ HTX phát triển sản xuất; kết nối HTX với doanh nghiệp hình thành và vận hành liên kết sản xuất, liên kết tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị	2,500,000,000	6,000,000		

Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện quý III năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý III năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
- Nội dung 6: Nâng cao hiệu quả hoạt động của các hệ thống kết nối, xúc tiến tiêu thụ nông sản; đa dạng hóa hệ thống kênh phân phối, tiêu thụ đảm bảo bền vững trước các biến động của thiên tai, dịch bệnh, trong đó ưu tiên phát triển thương mại điện tử; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thương mại nông thôn gắn với việc đáp ứng các tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn và đáp ứng nhu cầu thị trường	3,000,000,000			
5.4. CTMTQG PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐBĐTTS&MN	11,001,648,602	104,938,800	0.95%	
Loại 280 - 338 (Mã 0510 - 0521) 'Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	1,715,648,602	42,376,800	2.47%	
5.4.1. Kinh phí chi không thường xuyên, gồm:	1,715,648,602	42,376,800	2.47%	
- Tiểu dự án 2 - Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi dự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi	-	-		
<i>Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế: Xây dựng các mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ phù hợp với vùng miền nhằm khai thác tiềm năng, lợi thế để chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi có hiệu quả, tạo việc làm nâng cao thu nhập cho hộ dân, giảm nghèo bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi</i>	-	-		
- Tiểu dự án 3 - Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện chương trình	-	-		

Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện quý III năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý III năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
Tổ chức thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện Chương trình.	-	-		
Tiểu dự án 2 - Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS & MN: Hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào DTTS&MN		-		
Nhiệm vụ: Đào tạo, tập huấn, tuyên truyền nâng cao năng lực và kỹ năng vận hành TMĐT cho HTX và thành viên vùng DTTS & MN		-		
Loại 280 - 338 (Mã 0510-0513)	500,000,000	-	0.00%	
Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị - Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi - Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế: Xây dựng các mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ phù hợp với vùng, miền nhằm khai thác tiềm năng, lợi thế để chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi có hiệu quả, tạo việc làm nâng cao thu nhập cho hộ dân, giảm nghèo bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	500,000,000	-	0.00%	
Tiểu dự án 2 - Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	-	-		

Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện quý III năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý III năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
- Tiểu dự án 3 - Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện chương trình	1,715,648,602	42,376,800	2.47%	
<i>Tổ chức các hội nghị tập huấn, quán triệt tuyên truyền, phổ biến “Phát triển kinh tế tập thể, HTX vùng ĐBDTTS&MN giai đoạn 2021-2025”</i>	1,200,000,000			
<i>Tổ chức thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện Chương trình theo sự phân công của Ban Chỉ đạo chương trình và của hệ thống Liên minh HTX Việt Nam</i>	515,648,602	42,376,800	8.22%	
Loại 280 - 338 (Mã 0510 - 0513) 'Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	8,786,000,000	62,562,000	-	-
5.4.2. Kinh phí chi không thường xuyên, gồm:	8,786,000,000	62,562,000	-	-
-Tiểu dự án 2 - Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	8,786,000,000	62,562,000	-	-
<i>Thực hiện Dự án: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hoá sinh kế: Xây dựng các mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ phù hợp với vùng, miền nhằm khai thác tiềm năng, lợi thế để chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi có hiệu quả, tạo việc làm nâng cao thu nhập cho hộ dân, giảm nghèo bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.</i>	8,786,000,000	62,562,000		

Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện quý III năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý III năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
5.5. CTMTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG	43,780,000,000	5,829,877,332	13.32%	
Loại 280 - 338 (Mã 0470 - 0473) 'Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	11,500,000,000	2,835,020,672	24.65%	
<i>5.5.1. Kinh phí chi không thường xuyên</i>	<i>11,500,000,000</i>	<i>2,935,020,672</i>	<i>25.52%</i>	
<i>Tiểu DAI: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp. Nhiệm vụ: Tập huấn, tư vấn quản lý tiêu thụ nông sản, thí điểm, nhân rộng các giải pháp, sáng kiến phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị hiệu quả</i>	<i>7,500,000,000</i>	<i>2,323,693,400</i>	<i>30.98%</i>	
<i>Tiểu DAI: Xây dựng mô hình</i>	<i>4,000,000,000</i>	<i>611,327,272</i>	<i>15.28%</i>	
Loại 280 - 338 (Mã 0470 - 0472) 'Dự án 2: Đa dạng hoá sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	32,280,000,000	2,894,856,660	8.97%	
<i>5.5.2. Kinh phí chi không thường xuyên</i>	<i>32,280,000,000</i>	<i>2,894,856,660</i>	<i>8.97%</i>	
<i>Nhiệm vụ xây dựng mô hình giảm nghèo</i>	<i>32,280,000,000</i>	<i>2,894,856,660</i>	<i>8.97%</i>	
6. SỰ NGHIỆP VĂN HÓA THÔNG TIN	32,604,988,600	13,279,448,592	40.73%	
6.1. CTMTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI	5,297,988,600	1,028,000,000	19.40%	
<i>6.1.1. Loại 160 - 171 (Mã CTMTQG: 0490 - 0502)</i>	<i>3,672,988,600</i>	<i>-</i>	<i>0.00%</i>	
<i>6.1.1.1. Kinh phí chi không thường xuyên, gồm:</i>	<i>2,672,988,600</i>	<i>-</i>	<i>0.00%</i>	

Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện quý III năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý III năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
Nội dung thành phần số 11. Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM (Mã 0490 - 0502)	2,672,988,600	-	0.00%	
- Nội dung 01. Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình, đặc biệt xây dựng hệ thống giám sát thông qua bản đồ số và cơ sở dữ liệu; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng	2,672,988,600	-	0.00%	
<i>Tổ chức kiểm tra giám sát các nội dung thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới của Liên minh HTX Việt Nam trên địa bàn toàn quốc.</i>	2,672,988,600	-	0.00%	
6.1.2. Loại 160-171 (Mã CTMTQG: 0490-0498)				
6.1.2.1 Kinh phí chi không thường xuyên, gồm:				
<i>Nội dung thành phần số 8: Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công, nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở, thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong nông thôn mới, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, xây dựng nông thôn mới thông minh, bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận phát luật cho người dân, tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới</i>				

Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện quý III năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý III năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
<i>Nội dung 3: Triển khai hiệu quả chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025</i>				
<i>- Nhiệm vụ: Tổ chức hội nghị, hội thảo triển khai hiệu quả chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2026-2030</i>				
6.2. CTMTQG PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS VÀ MIỀN NÚI	22,157,000,000			
6.2.1. Loại 160-171 (Mã CTMTQG: 0510-0521)	20,282,000,000	9,578,572,592	47.23%	
6.2.1.1 Kinh phí chi không thường xuyên, gồm:	20,282,000,000	8,578,572,592	42.30%	
Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	20,282,000,000	9,578,572,592	47.23%	
Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào DTTS&MN	20,282,000,000	9,578,572,592	47.23%	
<i>- Nhiệm vụ: Tập huấn nâng cao năng lực TMĐT cho thành viên HTX và đại diện các hộ SXKD vùng DTTS&MN</i>	15,400,000,000	8,044,764,496	52.24%	
<i>- Tổ chức hội nghị, hội thảo, học tập trao đổi kinh nghiệm</i>	500,000,000	375,803,500	75.16%	
<i>- Duy trì và vận hành chợ sản phẩm trực tuyến</i>	3,000,000,000	758,004,596	25.27%	

Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện quý III năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý III năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
Truyền thông, tuyên truyền, quảng bá	1,382,000,000	400,000,000	28.94%	
6.3. CTMTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG	5,150,000,000	3,700,876,000	71.86%	
6.3.1. Loại 160-171 (Mã CTMTQG: 0470-0476)	5,150,000,000	3,700,876,000	71.86%	
6.3.1.1 Kinh phí chi không thường xuyên, gồm:	5,150,000,000	3,700,876,000	71.86%	
Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	5,150,000,000	3,700,876,000	71.86%	
Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin: Nâng cao năng lực cho cán bộ thông tin và truyền thông; Thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật	3,000,000,000	2,200,000,000	73.33%	
Tiểu dự án 2: Truyền thông và giảm nghèo đa chiều: Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm các cấp, các ngành và toàn xã hội về công tác giảm nghèo	2,150,000,000	1,500,876,000	69.81%	